

Số: /TTr-SNN&PTNT

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

## TỜ TRÌNH

V/v tham mưu báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 135/2020/QH14  
ngày 17/11/2020 của Quốc hội Khóa XIV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 13690/UBND-NN ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao chuẩn bị nội dung, tham mưu, làm việc với Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội khóa XV giám sát về chuyển đổi mục đích sử dụng rừng thực hiện dự án Hồ chứa nước Bản Mòng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 19/9/2023, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã thực hiện việc XV giám sát về chuyển đổi mục đích sử dụng rừng thực hiện dự án Hồ chứa nước Bản Mòng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở ý kiến kết luận tại Hội nghị của Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường - Trưởng đoàn công tác; Sở Nông nghiệp và PTNT đã hoàn thiện nội dung báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội Khóa XIV, cụ thể như sau:

### A. NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 135/2020/QH14 NGÀY 17/11/2020 CỦA QUỐC HỘI KHÓA XIV

Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020, kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV đã đồng ý chủ trương chuyển mục đích sử dụng 1.131,22 ha rừng trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An để thực hiện dự án Hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Nghệ An (trong đó trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là 586,45 ha). Quốc hội giao Chính phủ chỉ đạo thực hiện đúng quy định của pháp luật, quan tâm sớm ổn định đời sống của các hộ dân phải di dời trong vùng dự án.

### B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 135/2020/QH14 NGÀY 17/11/2020 CỦA QUỐC HỘI KHÓA XIV

Toàn bộ nội dung chuyển mục đích sử dụng rừng, ổn định đời sống của các hộ dân phải di dời trong vùng dự án Hồ chứa nước Bản Mòng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được thực hiện trong khuôn khổ Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi là Hợp phần).

#### I. Thông tin chung về Hợp phần

Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT bổ sung vào dự án hồ chứa

nước Bản Mông, tỉnh Nghệ An tại Quyết định số 2464/QĐ-BNN-XD ngày 27/6/2019; theo đó giao UBND tỉnh Thanh Hóa chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, triển khai thực hiện và thanh quyết toán Hợp phần; gửi kết quả về Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, giám sát; giao Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa làm Chủ đầu tư; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa là đơn vị quản lý dự án (bao gồm cả nhiệm vụ quản lý tài chính, giải ngân).

Về quy mô hợp phần: Theo số liệu tại Văn bản số 11775/UBND-NN ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả rà soát, cập nhật số liệu và giải trình, làm rõ về các nội dung liên quan của Hợp phần thì dự kiến tổng mức đầu tư của hợp phần là **516,708 tỷ đồng**, bao gồm 03 nội dung công việc chính: (i) Phân bồi thường, hỗ trợ nơi đi và nơi đến (191,28 tỷ đồng), (ii) Đầu tư xây dựng tái định cư (140,79 tỷ đồng) và (iii) Trồng rừng thay thế (184,63 tỷ đồng).

## **II. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng**

### **1. Diện tích rừng chuyển mục đích và diện tích rừng phải trồng thay thế**

Tổng diện tích rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa phải chuyển mục đích sử dụng để thực hiện dự án Hồ chứa nước Bản Mông, tỉnh Nghệ An là 586,45 ha (rừng tự nhiên phòng hộ 238,5 ha; rừng tự nhiên sản xuất 293,8 ha); rừng trồng: 54,15 ha (rừng trồng phòng hộ 0,67 ha; rừng trồng sản xuất 53,48 ha).

Diện tích cần phải trồng rừng thay thế là 1.651,05 ha (quy đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 21, Luật Lâm nghiệp năm 2017:... *phải trồng rừng thay thế bằng diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng trồng, bằng ba lần diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng tự nhiên*). Kinh phí để thực hiện việc trồng diện tích rừng nói trên (áp dụng đơn giá tương tự trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa) là 184,63 tỷ đồng.

### **2 Tình hình thực hiện**

- Ngay sau khi Quốc hội chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng 586,45 ha rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để thực hiện dự án, tỉnh Thanh Hóa đã rà soát, chuẩn bị đủ quỹ đất trống để trồng rừng thay thế diện tích chuyển đổi của Dự án; đồng thời thực hiện chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 1460/BNN-XD ngày 12/3/2021, UBND tỉnh đã phê duyệt Phương án nộp tiền trồng rừng thay thế tại Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 với tổng số tiền là 74,2 tỷ đồng.

- Hiện nay, hiện trạng khu vực rừng bị ảnh hưởng cần phải chuyển mục đích sử dụng khi thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa vẫn đang được bảo vệ nguyên trạng theo quy định của pháp luật (chưa thực hiện chuyển đổi trên thực tế) với lý do: Từ khi được Quốc hội chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đến nay, dự án vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung kinh phí trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, do đó vẫn chưa thực hiện việc trồng rừng thay thế của dự án theo quy định.

**III. Kết quả thực hiện việc ổn định đời sống của các hộ dân phải di dời trong vùng dự án**

## ***1. Ảnh hưởng của dự án đến dân cư, các công trình hạ tầng***

Theo kết quả rà soát của đơn vị tư vấn, việc thực hiện dự án Hồ chứa nước Bản Mông, tỉnh Nghệ An ảnh hưởng trực tiếp đến 119 hộ dân với 430 nhân khẩu của bản Thanh Sơn, xã Thanh Hòa (trong đó có 32 hộ bị ngập đất ở, nhà cửa; 87 hộ bị cô lập và mất đất sản xuất, không còn nguồn sinh kế) và một số công trình hạ tầng khác.

Do được quy hoạch thuộc vùng ngập của hồ chứa nước Bản Mông, trong thời gian dài vừa qua, toàn bộ 119 hộ dân thuộc bản Thanh Sơn, xã Thanh Hòa không được tách hộ; không được đầu tư xây dựng mới nhà cửa; các công trình hạ tầng thiết yếu, công trình phúc lợi xã hội như đường giao thông, trường học, nhà văn hóa,... đã xuống cấp nặng nề nhưng không được đầu tư nâng cấp. Đời sống người dân gặp rất nhiều khó khăn. Tuyến đường giao thông đã xuống cấp nặng nề, có nhiều vị trí đi qua khe, suối gây khó khăn và rủi ro cho người dân khi tham gia giao thông, đặc biệt là trong mùa mưa lũ đã nhiều lần bị cô lập. Nhìn chung, đời sống của các hộ dân trong vùng dự án ngày càng khó khăn và cần khẩn trương di dời, tái định cư để bà con ổn định cuộc sống, yên tâm sản xuất.

## ***2. Kết quả thực hiện việc ổn định đời sống của các hộ dân phải di dời trong vùng dự án***

Tổng kinh phí để thực hiện việc ổn định dân cư là 332,07 tỷ đồng (gồm 191,28 tỷ đồng kinh phí bồi thường, hỗ trợ và 140,79 tỷ đồng đầu tư xây dựng khu tái định cư).

*2.1. Kết quả đã thực hiện tại nơi đi (khu vực lòng hồ):* Đã hoàn thành rà soát, cập nhật bản đồ địa chính nơi đi.

*2. Kết quả thực hiện tại nơi đến (khu vực bố trí tái định cư cho 119 hộ dân).*

Đã thống nhất với Công ty TNHH MTV Cao Su Thanh Hóa, UBND huyện Như Xuân, Nông trường Bãi Trành, UBND xã Xuân Hòa và nhân dân thôn Thanh Sơn về vị trí khu đất bố trí tái định cư và được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thống nhất chủ trương bàn giao khu đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư tại Văn bản số 619/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 04/8/2021. Diện tích dự kiến thu hồi là 338,75 ha để bố trí đất sản xuất và đất ở cho 119 hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án (dự kiến mỗi hộ dân được bố trí 400 m<sup>2</sup> đất ở, 600 m<sup>2</sup> đất vườn và 2,24 ha đất sản xuất).

Hiện nay, Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đã hoàn thành việc cắm mốc, đo đạc lập bản đồ địa chính khu tái định cư diện tích 338,75 ha nêu trên; tổ chức lập và phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết phân khu chức năng khu dân cư nông thôn cho khu vực bố trí tái định cư với diện tích 18,9 ha; hoàn thành thực hiện 06/13 gói thầu tư vấn giai đoạn chuẩn bị đầu tư đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

## **C. VIỆC THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN GIÁM SÁT NĂM 2022**

Năm 2022, Ủy ban Khoa học, Công nghệ, Môi trường thực hiện giám sát và đã kiến nghị đối với UBND tỉnh Thanh Hóa 02 nội dung, gồm:

1. Triển khai thực hiện đúng quy định pháp luật về diện tích, loại cây, mật

độ trồng rừng thay thế theo các phương án đã được phê duyệt, bố trí đủ vốn cho việc trồng rừng thay thế.

2. Khi được bổ sung đủ vốn, nhanh chóng triển khai và hoàn thiện các hạng mục công trình phục vụ cho di dân tái định cư để ổn định đời sống của người dân vùng Dự án. Trong thời gian chờ phân bổ vốn, cần có phương án hỗ trợ các hộ dân vùng bị ảnh hưởng của dự án, duy trì cuộc sống đến khi hoàn thành di dân tái định cư, ổn định đời sống người dân.

Đối với 02 kiến nghị nêu trên, đến thời điểm hiện nay tỉnh Thanh Hóa chưa thể thực hiện vì chưa được điều chỉnh dự án và bố trí kinh phí để thực hiện.

## **D. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

### **I. Đối với việc trồng rừng thay thế**

Sau 2 năm không bố trí được kinh phí để trồng rừng thay thế thì hầu hết quỹ đất trống tỉnh Thanh Hóa đã rà soát để chuẩn bị sẵn sàng cho việc trồng rừng thay thế của dự án đã được trồng rừng bằng nguồn kinh phí của các dự án khác (từ năm 2021 đến nay tỉnh Thanh Hóa đã trồng mới trên 4.900 ha rừng<sup>1</sup>); diện tích đất trống còn lại rất ít (khoảng 100 ha) chủ yếu là nhỏ lẻ, manh mún, phân bố ở vùng sâu, vùng xa nên rất khó khăn cho việc trồng rừng. Do đó, hiện tại tỉnh Thanh Hóa không còn đủ quỹ đất để thực hiện trồng 1.651,05 ha<sup>2</sup> rừng thay thế cho diện tích 586,45 ha rừng khu vực ngập lòng hồ (nơi đi) đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương chuyển mục đích tại Nghị quyết số 135/2020/NQ14 ngày 17/11/2020.

Trên cơ sở điều kiện thực tế không còn đủ quỹ đất để trồng rừng thay thế của Dự án; căn cứ quy định tại khoản 6, Điều 4 Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Văn bản số 11775/UBND-NN ngày 14/8/2023 báo cáo và đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT chấp thuận việc nộp tiền trồng rừng thay thế khu vực lòng hồ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với diện tích rừng cần trồng là 1.651,05 ha về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng tại địa phương khác theo quy định (trong đó dự kiến kinh phí trồng rừng thay thế là 184,6 tỷ đồng).

### **II. Đối với việc ổn định đời sống người dân**

Trong hồ sơ dự án đầu tư và tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt của dự án hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Nghệ An chưa có các công việc cụ thể cũng như kinh phí của Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, trong khoảng gần 01 năm trở lại đây đã dừng, không tiếp tục triển khai các gói thầu đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Đến nay, các công việc thuộc Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa vẫn chưa được phê duyệt bổ sung vào chủ trương đầu tư của dự án. Khối lượng công việc của hợp phần nhiều, phải thực hiện nhiều bước, các bước phải thực hiện đầy đủ theo quy trình và đảm bảo thời gian tối thiểu theo quy định; vì vậy, dự kiến đến hết năm 2025 mới có thể hoàn

---

<sup>1</sup> Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo.

<sup>2</sup> Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo.

thành các nội dung công việc thuộc hợp phần.

- Hiện nay, quy hoạch, kế hoạch và chỉ tiêu sử dụng đất của huyện Như Xuân chưa phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của dự án (trong đó nhu cầu diện tích đất thủy lợi của dự án là 681,28 ha tại khu vực lòng hồ nhưng theo Quyết định số 2216/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện Như Xuân chưa đảm bảo chỉ tiêu để bố trí thực hiện dự án Hồ chứa nước Bản Mòng); đồng thời sẽ phát sinh khó khăn vướng mắc trong việc chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại Điều 19 Luật Lâm nghiệp năm 2017.

## **E. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét một số nội dung kiến nghị, đề xuất cụ thể như sau:

1. Kính đề nghị Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ sớm phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án hồ chứa nước Bản Mòng, tỉnh Nghệ An, trong đó bổ sung đầy đủ kinh phí thực hiện việc trồng rừng thay thế và ổn định đời sống người dân (Hợp phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa là 516.708,34 triệu đồng, gồm: kinh phí bồi thường hỗ trợ là 191.281,15 triệu đồng; kinh phí đầu tư xây dựng tái định cư là 140.790,27 triệu đồng; kinh phí trồng rừng thay thế là 184.636,92 triệu đồng) vào tổng mức đầu tư của dự án và điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đến hết năm 2025; đồng thời bố trí đủ kế hoạch vốn và sớm phân bổ để thực hiện.

2. Theo Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, chỉ tiêu đất thủy lợi tăng 26,89 ha, trong khi đó nhu cầu đất thủy lợi phục vụ dự án là 681,28 ha. Kính đề nghị UBND tỉnh báo cáo Chính phủ xem xét, điều chỉnh phân bổ chỉ tiêu đất thủy lợi trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 để UBND tỉnh Thanh Hóa có cơ sở điều chỉnh phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất của huyện Như Xuân đảm bảo đáp ứng nhu cầu của dự án.

3. Do đối tượng trồng rừng thay thế là trồng rừng mới trên diện tích đất chưa có rừng được quy hoạch cho rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất nên tỉnh Thanh Hóa không còn đủ quỹ đất để trồng rừng thay thế của dự án. Căn cứ quy định tại khoản 6, Điều 4 Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT chấp thuận việc nộp tiền trồng rừng thay thế khu vực lòng hồ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với diện tích rừng cần trồng là 1.651,05 ha (quy đổi theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Luật Lâm nghiệp năm 2017) về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng tại địa phương khác theo quy định.

4. Hiện nay việc trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (Thông tư số 25). Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, Thông tư số 25 đã bộc lộ một số tồn

tại gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện. Do đó, đề nghị UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25, cụ thể:

- Bổ sung đối tượng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất theo hướng ***hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên đất quy hoạch phát triển rừng sản xuất giao cộng đồng dân cư và hộ gia đình, cá nhân.***

Lý do: Hiện nay diện tích đất trồng quy hoạch cho rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ngày càng khan hiếm, vì vậy cần thiết mở rộng đối tượng trồng rừng sản xuất để một phần hỗ trợ cho người dân phát triển rừng, nâng cao đời sống kinh tế, một phần để đảm bảo diện tích trồng rừng theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp.

- Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ đối với trồng rừng sản xuất: Đề nghị tăng mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất so với mức hỗ trợ đang quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

Lý do: Mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất hiện nay đang thực hiện theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, với mức hỗ trợ 1 lần là 8 triệu đồng/ha. Mức hỗ trợ này được thực hiện bắt đầu từ năm 2016. Tuy nhiên hiện nay do giá cả vật tư (phân bón, cây giống) và nhân công đều đã tăng, nên mức hỗ trợ trên không còn phù hợp. Do vậy đề nghị mức hỗ trợ bằng 02 lần mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ để khuyến khích chủ rừng trồng rừng.

- Về đơn giá trồng rừng thay thế: Đề nghị sửa đổi theo hướng số tiền chủ dự án phải nộp bằng diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng nhân với đơn giá trồng rừng thay thế chung trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Lý do: Phần lớn các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng hiện nay có diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nhỏ (có những dự án diện tích chuyển mục đích dưới 1.000 m<sup>2</sup>). Do vậy, quy định mỗi một dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng (không kể diện tích chuyển đổi là bao nhiêu) đều phải được đơn vị chủ đầu tư có quỹ đất trống để trồng rừng (các BQL rừng phòng hộ, đặc dụng, đơn vị vũ trang) xây dựng một hồ sơ lâm sinh tương ứng (theo thiết kế, dự toán, đơn giá riêng của từng công trình) gây kéo dài thời gian thực hiện; điều này không phù hợp với quy định về trồng rừng (hồ sơ thiết kế trồng rừng trên diện tích đất trống tối thiểu từ 0,3 ha trở lên để đủ tiêu chí rừng về diện tích) và không phù hợp với đặc thù trồng rừng theo mùa vụ.

- Bổ sung quy định: Đối với kinh phí chủ dự án đã nộp Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh trước ngày Thông tư sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Thông tư sửa đổi, bổ sung.

- Về giao chủ đầu tư thực hiện trồng rừng thay thế: Đề nghị sửa đổi theo hướng trên cơ sở tổng số kinh phí các chủ dự án nộp trong năm, Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư cho

các đơn vị tổ chức thực hiện trồng rừng thay thế (không giao chủ đầu tư theo từng dự án như quy định hiện tại của Thông tư 25).

Lý do: Hiện nay đối với mỗi dự án thực hiện trồng rừng thay thế, chủ đầu tư phải lập 01 bộ hồ sơ thiết kế, dự toán để trình thẩm định, phê duyệt (không kể diện tích thiết kế là bao nhiêu), gây mất rất nhiều thời gian cho cả chủ đầu tư và cơ quan thẩm định.

*(có dự thảo văn bản của UBND tỉnh báo cáo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường kèm theo)*

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- Lưu: VT, KL.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Đức Thuận**

**Phụ lục 1:**

**DIỆN TÍCH TỈNH THANH HÓA ĐÃ TRỒNG MỚI RỪNG TỪ NĂM 2021 ĐẾN NAY**  
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SNN&PTNT ngày /9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Thời gian	Tổng cộng (ha)	Trồng rừng thay thế (ha)				Trồng rừng từ nguồn vốn Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững (ha)				Trồng rừng phòng hộ bằng nguồn vốn của dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp (FMCR) (ha)
			Tổng	ĐD	PH	SX	Tổng	ĐD	PH	SX	
1	Năm 2021	<b>2.475,60</b>	552,6		30	522,6	1.923,00		230	1.693,00	
2	Năm 2022	<b>2.419,20</b>	452,2	65,2	387		1.859,00			1.859,00	108
3	Năm 2023	<b>61,80</b>	61,8	50,3	11,5		0,00				
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.956,60</b>	<b>1.066,60</b>	<b>115,50</b>	<b>428,50</b>	<b>522,60</b>	<b>3.782,00</b>	<b>0,00</b>	<b>230,00</b>	<b>3.552,00</b>	<b>108,00</b>



**Phụ lục 2:**

**DIỆN TÍCH RỪNG CHUYỂN ĐỔI VÀ DIỆN TÍCH RỪNG PHẢI TRỒNG THAY THẾ**  
**DỰ ÁN HỒ CHỨA NƯỚC BẮN MÒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**  
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SNN&PTNT ngày /9/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)						Diện tích rừng phải trồng thay thế (trồng rừng đặc dụng, phòng hộ) (ha)			Ghi chú	
	Rừng tự nhiên			Rừng trồng			Tổng	Thay thế diện tích rừng tự nhiên (gấp 3 lần diện tích rừng chuyển đổi)	Thay thế diện tích rừng trồng (bằng diện tích rừng chuyển đổi)		Tổng
	Cộng	PH	SX	Cộng	PH	SX					
	532,30	238,5	293,8	54,15	0,67	53,48	<b>586,45</b>	1.596,9	54,15	<b>1.651,05</b>	Cần <b>1.651,05 ha</b> đất trồng đặc dụng, phòng hộ để có thể trồng rừng thay thế của dự án

Ghi chú: “Phải trồng rừng thay thế bằng diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng trồng, bằng ba lần diện tích rừng bị chuyển mục đích sử dụng đối với rừng tự nhiên” (khoản 1, Điều 21 Luật Lâm nghiệp). Do đó, cần phải trồng bù 1.651,05 ha rừng cho diện tích 586,45 ha rừng chuyển đổi.